

I. NHẬN THỨC CHUNG

- Chính sách tiền tệ là một trong số các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng hàng đầu trong nền kinh tế thị trường, nên cần được đảm bảo tính độc lập trong phạm vi nhất định, đồng thời bảo đảm tính chất đồng bộ chung với các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Việc đảm bảo tính chất đồng bộ là ở các mục tiêu chung, định hướng chiến lược, còn chính sách tiền tệ có mục tiêu cụ thể và các biện pháp, công cụ phù hợp.

- Hệ thống ngân hàng, các TCTD là những công cụ sắc bén trong việc thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô mà đặc biệt trực tiếp là chính sách tiền tệ (CSTT), cũng như việc thể hiện tính chất đồng bộ thực hiện có hiệu quả các chính sách kinh tế vĩ mô. Đồng thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ kinh doanh của một doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ trong nền kinh tế thị trường, nhanh chóng vươn lên phù hợp với xu hướng chung và nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước cũng như trong khu vực, khi mà VN đang nhanh chóng hòa nhập vào khối Asean.

- Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, đổi mới chính sách tiền tệ, cải cách hệ thống ngân hàng theo hướng kinh tế thị trường được xem là khâu đột phá, là nhân tố then chốt nên luôn luôn phải như là những tác động chính, đi trước, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ ngân hàng, bao gồm cả huy động, cho vay, đầu tư và các dịch vụ. Nhưng không đi quá xa, tạo khoảng cách lớn so với mặt bằng chung của cả nền kinh tế.

- Hiểu tính đồng bộ không có nghĩa là phụ thuộc máy móc lẫn nhau, dàn hàng ngang, níu kéo nhau lại trong vòng lẩn quẩn của cơ chế cũ, mà là một khái niệm phải hiểu có tính chất biện chứng: mục tiêu của một chính sách kinh tế vĩ mô là nhất quán, còn giải pháp thực hiện là linh hoạt, từng bước phù hợp với tiến trình đổi mới chung, có lĩnh vực do vị trí và yêu cầu cụ thể thì phải đẩy lên trước một bước, nhưng không có nghĩa là

tách rời nhau, hay thụt lùi lại đằng sau.

II. KIẾN NGHỊ NHỮNG GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Điều hành cung ứng tiền

NHNNTW cần tiếp tục thực hiện CSTT chặt chẽ; trong đó kiểm soát

hướng sau:

a. Xác định khối lượng tiền cung ứng theo tín hiệu thị trường

- Tăng trưởng kinh tế

- Lạm phát dự kiến

- Khẩu trừ đi khối lượng sản phẩm tiêu dùng của nông dân trong tổng sản phẩm xã hội

- Đất đai-nhà cửa trong các DNNN và cơ quan NN trở thành hàng hóa trong lưu thông, cần có phương tiện thanh toán gắn liền.

- Dòng ngoại tệ nước ngoài vào VN tham gia với tư cách phương tiện thanh toán trong lưu thông.

- Thực hiện vốn đầu tư chuyển vốn và ngoại tệ ra và vào của dự án đầu nước ngoài vào VN.

b. Phương thức cung ứng tiền, thông qua các kênh

- Mua ngoại tệ cho quỹ dự trữ

- Cấp tín dụng cho NHTM thông qua các chương trình tín dụng của nhà nước: vốn cho NH phục vụ người nghèo, cho thu mua lương thực tạm trữ và các chương trình chỉ định khác.

- Cho vay tái cấp vốn, tái chiết khấu

- Nghiệp vụ thị trường mở

- Tăng vốn điều lệ cho các NHTM quốc doanh

- Cấp đủ vốn điều lệ cho các DNNN

- Ghi nguồn thu cho ngân sách nhà

Ảnh THIÊN TRIỀU



NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ NƯỚC TA

PTS. NGUYỄN ĐẮC HƯNG

khối lượng tiền cung ứng, vừa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phương tiện thanh toán của nền kinh tế theo tín hiệu thị trường, vừa kịp thời có các biện pháp để thu hút tiền mặt về, giảm bớt sức ép lạm phát.

Cần chú vào mục tiêu kiềm chế lạm phát, tình hình thực hiện ngân sách, xu hướng biến động của tỷ giá, cán cân thanh toán và xu hướng tăng tiền qua các năm, NHNN điều hành lượng tiền cung ứng tăng thêm trong mỗi năm cho các mục tiêu mua ngoại tệ và cho vay tái cấp vốn trong phạm vi giới hạn được duyệt đầu năm. Trong quá trình điều hành, cần chú vào tín hiệu của thị trường, NHNN cần điều hòa linh hoạt khối lượng tiền cung ứng vào các mục tiêu cho thích hợp. Về cơ bản, việc điều hành cung ứng tiền vẫn phải phát hành sát theo

nước

2. Chính sách huy động vốn và tín dụng

a. Huy động vốn

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tăng cường huy động nguồn vốn trong nước thúc đẩy tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, khuyến khích tiết kiệm, NHNN chỉ đạo hệ thống ngân hàng và các TCTD triển khai mạnh mẽ việc huy động tiền gửi tiết kiệm với nhiều hình thức nhằm thu hút triệt để hơn nữa các nguồn vốn nhàn rỗi trong nước, tạo ra được chuyển biến mới trong công tác huy động vốn của hệ thống ngân hàng, trong đó đặc biệt chú trọng các hình thức và biện pháp huy động vốn trung và dài hạn. Mục tiêu:

+ Đưa tỷ lệ tiền gửi vào hệ thống ngân hàng trên GDP hàng năm tăng lên trên 30% (năm 1997 là 27%)

+ Đưa số tài khoản cá nhân và số dư trên các tài khoản cá nhân hàng năm tăng từ 1,5 đến 2 lần so với con số cuối năm 1997 là khoảng 100.000 tài khoản với số dư khoảng 1000 tỷ đồng.

Đạt được mục tiêu này hệ thống NH và các TCTD cần tổ chức thực hiện các biện pháp sau:

- Hoàn thiện và cải tiến các hình thức huy động vốn hiện có:

+ Đối với các hình thức tiết kiệm truyền thống, tiến hành rà soát chế độ, thủ tục để tạo điều kiện phục vụ người gửi thuận tiện, dễ dàng, rút ngắn đáng kể thời gian phục vụ cho mỗi khách hàng đến nộp tiền và rút tiền, có các biện pháp phong phú đa dạng khuyến khích người gửi tiền và rút tiền, có tặng quà lưu niệm, quay xổ số, du lịch...

+ Đối với các tín phiếu, trái phiếu ngân hàng thương mại, nghiên cứu các hình thức chiết khấu, chuyển nhượng, tạo thị trường thứ cấp cho các loại giấy có giá này lưu thông dễ dàng, trên cơ sở đó huy động được vốn trung hạn và dài hạn mà khi cần tiền đột xuất người giữ tín phiếu, trái phiếu có thể bán lại chúng dễ dàng.

- NHNN phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tiếp tục trình Thủ tướng Chính phủ quy chế Quỹ bảo toàn tiền gửi, và đề nghị chính phủ quyết định cho triển khai sớm nội dung này của các Luật các TCTD.

- NHNN cùng các NHTM nghiên cứu đưa thêm số lượng trái phiếu trung dài hạn vào nền kinh tế, tạo điều kiện và môi trường để hình thành thị trường thứ cấp cho các giấy tờ có giá, đẩy nhanh chu chuyển vốn giữa các vùng, các khu vực trong nước, tăng thêm sức hút tiết kiệm, đầu tư, đặc biệt là vốn trung dài hạn phục vụ tăng trưởng.

- Có các cơ chế để động viên khuyến khích NHTM huy động vốn trung và dài hạn như miễn dự trữ bắt buộc (DTBB) đối với tiền gửi có thời hạn dài...

- Nghiên cứu đề án trình Chính phủ hình thành trở lại hệ thống ngân hàng tiết kiệm, nhằm thu hút tối đa nguồn tiền gửi tiết kiệm trong dân cư ở mọi nơi, mọi lúc. Đồng thời trình Chính phủ về cơ chế tổ chức phân phối, sử dụng hiệu quả tối đa nguồn vốn tiết kiệm huy động được của Ngân hàng này.

b. Tín dụng đối với nền kinh tế
Cần tập trung xử lý hai vấn đề trọng tâm:

Một là: Mở rộng đầu tư tín dụng phục vụ tăng trưởng kinh tế, trong đó chú trọng tăng tỷ trọng đầu tư vốn trung, dài hạn trên cơ sở tăng tỷ trọng huy động được nguồn vốn trung, dài hạn, chú trọng cho vay khu vực nông thôn, cho vay phục vụ xuất

khẩu. Tín dụng đầu tư cho nền kinh tế tăng 20%-25% mỗi năm. Để đạt được các mục tiêu đó hệ thống ngân hàng triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

- Dự thảo Nghị định Chính phủ về các hình thức đảm bảo trong cho vay, nghiên cứu và xây dựng và ban hành thể lệ tín dụng mới để thực hiện Luật NHNN và Luật các TCTD vừa được Quốc hội thông qua, với tinh thần tạo ra khung pháp lý cơ bản cho hoạt động tín dụng NH, trên cơ sở đó các NHTM sẽ cụ thể hóa bằng qui trình nghiệp vụ phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực của mình, bảo đảm thông thoáng, gọn nhẹ về thủ tục, nhưng đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý tốt hơn vốn vay, bảo đảm an toàn và hiệu quả. Tinh thần cải tiến chế độ tín dụng sẽ theo hướng:

+ Coi trọng hiệu quả cho vay và khả năng thu hồi vốn; lấy đó làm tiêu chuẩn hàng đầu để mở rộng đối tượng cho vay và khuyến khích đầu tư phát triển trên mọi lĩnh vực.

+ Thời hạn nợ do NHTM thỏa thuận với đơn vị vay vốn tùy thuộc vào tính chất của đối tượng vay vốn và khả năng tạo nguồn có thời hạn thích hợp của NH.

+ Việc quy định thế chấp và mức độ thế chấp tùy thuộc vào độ tín nhiệm của người vay là chính, không cứng nhắc về mức và phân biệt đối tượng, thành phần kinh tế, chú ý đến khả năng phát mại nhanh để thu hồi vốn.

+ Áp dụng các phương pháp và điều kiện cho vay theo thông lệ quốc tế, nhất là cho vay theo dự án, cho vay thời hạn dài (quy định thời gian ân hạn thích hợp, các biện pháp cho vay bậc cầu, cho vay chuẩn bị...), cho vay hợp vốn, đồng tài trợ tín dụng người mua hàng, tín dụng luân chuyển...

- NHNN chỉ đạo NHTM chủ động tìm kiếm dự án, tìm kiếm khách hàng, dựa căn cứ có năng lực và phẩm chất tốt để tư vấn giúp đỡ khách hàng trong việc tìm phương án kinh doanh, lập dự án có hiệu quả để mở rộng đầu tư vốn với phương châm tích cực, năng động, nhưng phải an toàn và hiệu quả. Tập trung vốn tín dụng vào các dự án khả thi nằm trong chương trình phát triển kinh tế của từng vùng, từng khu vực, từng ngành kinh tế. Các NHTM và các TCTD chủ động đề xuất và cùng hợp vốn cho vay đối với những dự án phát triển kinh tế lớn. Thực hiện tăng dự nợ một cách lành mạnh, tạo ra hàng hóa, dịch vụ, tăng trưởng kinh tế bảo đảm được khả năng thu hồi vốn để tiếp tục cho vay.

- Đối với tín dụng nông thôn, rà soát cải tiến về thủ tục cho vay, mức

vốn cho vay và thời hạn cho vay cho phù hợp, đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng vay vốn, đồng thời nâng cao hiệu quả tín dụng, thu hồi vốn nhanh.

- Chú trọng hỗ trợ cho vay các dự án, các đơn vị làm hàng xuất khẩu, đưa vốn đúng lúc, tận dụng thời vụ và tình hình giá cả trong nước và quốc tế.

Hai là: Triển khai thực hiện các biện pháp chấn chỉnh chất lượng tín dụng, thực hiện đúng quy định phân loại nợ quá hạn của NHTM, để có cơ chế xử lý thích hợp nhằm giải tỏa vốn, quay vòng vốn, không để vốn nằm đọng.

- Xử lý giải tỏa nhanh các tài sản thế chấp, nhất là bất động sản có gắn liền quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp phá sản theo chỉ đạo của Chính phủ để thu hồi vốn cho các NHTM.

- Xử lý bù đắp kịp thời những khoản nợ của NHTM đã chuyển thành vốn ngân sách cấp bổ sung vốn lưu động cho các doanh nghiệp nhà nước.

3. Mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, cải tiến các dịch vụ NH

- Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đặc biệt là hiện đại hóa công nghệ thanh toán, góp phần mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt và tạo ra các tiện ích hiện đại cho nền kinh tế, để tạo tiền đề tốt cho người dân mở tài khoản và giao dịch qua ngân hàng, giảm bớt lượng thanh toán bằng tiền mặt và ngân phiếu thanh toán.

- Xây dựng đề án thí điểm trả lương qua tài khoản cho cán bộ công nhân viên chức thuộc một số cơ quan bộ, ngành tại Hà Nội và việc trả tiền các khoản dịch vụ thường xuyên như điện sinh hoạt, điện thoại, nước...

- Nghiên cứu triển khai từng bước có hiệu quả việc sử dụng thẻ tín dụng, thẻ thanh toán, VietCom Bank Card, cùng các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt phải phù hợp với khu vực và quốc tế.

4. Chính sách quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá

- Điều hành quỹ dự trữ ngoại tệ của Nhà nước: quỹ dự trữ quốc gia và quỹ bình ổn tỷ giá; việc điều hành thông qua việc cung ứng tiền cho mua ngoại tệ, cho vay trên thị trường liên ngân hàng.

- Phối hợp các bộ ngành trong việc đảm bảo việc thực hiện Quyết định 396/TTg, 37/TTg và Luật đầu tư nước ngoài của các doanh nghiệp và dân cư.

- Các hoạt động mua bán ngoại tệ, thu đổi ngoại tệ của các NH và TCTD.

- Việc điều hành tỷ giá hàng ngày: công bố trên phương tiện thông

tin đại chúng, quy định biên độ tỷ giá mua bán cho các NHTM can thiệp trên thị trường liên ngân hàng...

Về các giải pháp cụ thể và lâu dài, NHNN cần xây dựng chiến lược xử lý tỷ giá cơ bản lâu dài, đồng bộ trên cơ sở đó đề ra các biện pháp điều hành kịp thời cho từng thời kỳ, bảo đảm tỷ giá phù hợp với quan hệ cung cầu trên thị trường trong nước và trong mối tương quan với tỷ giá trên các thị trường quốc tế và có tác dụng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, góp phần ổn định giá cả trong nước, nâng cao vị thế của VNĐ, đẩy lùi tình trạng đô la hóa nền kinh tế. Cụ thể năm 1998 phải giải quyết các vấn đề sau:

- Trình Chính phủ thông qua Quy chế quản lý ngoại hối mới nhằm hoàn thiện chính sách quản lý ngoại hối.

- Hoàn thiện việc đưa thêm các nghiệp vụ mới trong giao dịch ngoại hối vào thực hiện thời gian qua như nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn; nghiệp vụ SWAP để tạo khả năng hạn chế rủi ro tỷ giá, làm phong phú thêm và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường ngoại hối (các quy chế này đã được ban hành và triển khai thực hiện).

- Theo dõi nghiên cứu, rút kinh nghiệm cuộc khủng hoảng về tỷ giá và thị trường tài chính tiền tệ ở các nước trong khu vực hiện nay, rút ra những bài học kinh nghiệm để điều chỉnh cơ chế điều hành trong nước, có biện pháp để phòng các biến động lớn do ảnh hưởng từ bên ngoài đặc biệt là các nước trong khu vực.

- Nghiên cứu tổng thể các hoạt động kinh tế đối ngoại, theo dõi kiểm soát các luồng ngoại tệ điều hành tỷ giá, có chú ý đến mối quan hệ gắn bó giữa tỷ giá và lãi suất, giữa tỷ giá và tỷ lệ lạm phát, giữa tỷ giá và cán cân thanh toán và dự trữ quốc gia.

- Nghiên cứu xây dựng đề án về từng bước đẩy lùi tình trạng đô la hóa nền kinh tế, thu hẹp dần phạm vi lưu thông ngoại tệ ở trong nước, đồng thời nâng cao vị thế của đồng nội tệ, thực hiện từng bước mục tiêu chỉ tiêu tiền Việt Nam trên đất Việt Nam.

5. Các công cụ quản lý và điều hành chính sách tiền tệ

a. Lãi suất

- Giai đoạn 1:

- + Trong thời gian trước mắt NHNN chỉ công bố trần lãi suất cho vay tối đa, mức tối đa lãi suất nợ quá hạn và mức giảm lãi suất cho vay vùng miền núi cao và hải đảo, lãi suất cho vay trên thị trường liên NH với vai trò là người cho vay cuối cùng, lãi suất cho vay của các chương trình ưu đãi.

- + Mức lãi suất được dựa trên cơ sở hiệu quả chung của nền kinh tế, sức hấp thụ vốn vay của các DN, chỉ

số tăng giá chung và các yêu cầu xã hội.

- Giai đoạn II:

- + NHTW chỉ công bố lãi suất cho vay tái chiết khấu, để cho lãi suất trên thị trường liên ngân hàng có tính chất điều khiển lãi suất trong nền kinh tế, và trong mối liên quan chặt chẽ với lãi suất trên thị trường liên ngân hàng các nước trong khu vực. Lãi suất đó điều tiết cung cầu vốn trong nền kinh tế.

- + Tổ chức tốt hoạt động của thị trường liên ngân hàng và thị trường đấu thầu trái phiếu kho bạc. Thu hút các doanh nghiệp có đủ điều kiện, các quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, quỹ khác... tham gia tích cực vào thị trường tiền tệ. Việc cho vay lẫn nhau giữa các NHTM và TCTD... phải được thực hiện trên thị trường liên ngân hàng.

- Bảo sát chỉ số trượt giá, NHNN sẽ điều chỉnh lãi suất sao cho vừa bảo đảm huy động vốn và duy trì hoạt động tín dụng thông suốt, vừa giảm bớt những dòng chuyển đổi từ nguồn vốn VNĐ sang ngoại tệ.

- Nghiên cứu đề có đề án xử lý tốt mối quan hệ giữa tỷ giá và lãi suất trình Chính phủ.

- Nghiên cứu để tiến tới điều hành lãi suất theo các mức lãi suất được quy định trong Luật ngân hàng (Lãi suất cơ bản, lãi suất tái chiết khấu...).

- b. Tỷ giá hối đoái: chưa thể thực hiện thả nổi tỷ giá, mà giữ cho ổn định tương đối, linh hoạt theo tín hiệu thị trường, trên cơ sở quan hệ cung cầu ngoại tệ, sức mua của đồng tiền VN.

- Biên độ dao động cho phép các TCTD chủ động quy định tỷ giá mua bán ngoại tệ hàng ngày.

- Việc NHTW tham gia mua bán, can thiệp trên thị trường.

- c. Dự trữ bắt buộc, mục đích của việc sử dụng công cụ này phải được tăng cường vào việc:

- Kiểm soát tổng phương tiện thanh toán

- Thu hẹp hay mở rộng cho vay của các TCTD

- Việc thực hiện thống nhất 1 tài khoản dự trữ bắt buộc và tiền gửi tại NHNN, cuối ngày tính cân đối chung.

Trước khi Luật NH có hiệu lực thì triển khai thực hiện Quy chế DTBB mới ban hành nhằm giúp các NHTM sử dụng linh hoạt vốn khả dụng, đồng thời NHNN vẫn kiểm soát được khối lượng tiền, kiểm soát hệ số gia tăng tiền tệ. Đồng thời tiếp tục theo dõi việc thực hiện quy chế này để có những điều chỉnh phù hợp với thực tế, song song với nghiên cứu, xây dựng quy chế mới phù hợp với Luật NHNN và Luật các TCTD để tạo thuận lợi cho các NHTM và phát huy

hiệu lực của công cụ DTBB.

d. Hạn mức tín dụng:

Thời gian qua NHNN đã sử dụng công cụ này, nhưng năm 1997 do lạm phát thấp phải thực hiện các giải pháp kích cầu nên hầu như công cụ hạn mức tín dụng không sử dụng tới. Tuy nhiên năm 1998 và một vài năm tới, căn cứ vào tình hình thực tế, NHNN cần tiếp tục sử dụng công cụ này khi cần thiết. Dự kiến phân bổ mức tăng tín dụng của từng quý. Về lâu dài nên bỏ công cụ này vì nó không còn ý nghĩa.

- e. Chính sách và cơ chế tái cấp vốn của NHNN:

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tái cấp vốn theo hướng chuyển sang tái chiết khấu thật sự.

- NHNN tạo thêm các công cụ nợ bằng cách phát hành tín phiếu NHNN thường xuyên và đưa ra cơ chế thuận lợi để các ngân hàng thương mại mua bán trao đổi với nhau trên thị trường tiền tệ.

- Trong khối lượng tiền NHNN cung ứng cho mục tiêu tái cấp vốn, bước đầu nên dành 30% (năm 1996 là 10%) để sử dụng cho việc tái chiết khấu các chứng từ có giá, tỷ lệ này cần được nâng dần lên cùng với việc tạo nhiều công cụ tái chiết khấu.

- Theo dõi và hoàn thiện hình thức tái cấp vốn có thể chấp bằng ngoại tệ, giúp các NHTM xử lý kịp thời những trường hợp khó khăn về nguồn vốn bằng VNĐ.

- g. Đưa nghiệp vụ và công cụ thị trường mở vào hoạt động

Hoàn thiện cơ chế hoạt động của thị trường mở, quy chế dự báo quản lý vốn khả dụng và từng bước nâng cao tính chính xác của kết quả dự báo; cùng với việc tạo thêm chứng từ có giá mà trước hết chủ yếu là tín phiếu NHNN với khối lượng đủ lớn để các NHTM nắm giữ, từng bước thí điểm sự vận hành của thị trường mở để khi hội đủ các điều kiện sẽ đưa thị trường vào hoạt động chính thức, nhằm nâng cao hiệu quả điều hành CSTT thông qua công cụ gián tiếp, phù hợp với xu thế quốc tế.

6. Các giải pháp hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách tiền tệ

- a. Phát triển thị trường tài chính:

- Cần phải phát hành cổ phiếu NHTM cổ phần và các công ty tài chính cổ phần, tăng vốn điều lệ, và phát triển loại hình DN này trong nền kinh tế. Thí điểm cho phép một số doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán thời gian tới. Đẩy mạnh phát hành trái phiếu công trình, nhất là các công trình quan trọng của nhà nước như: điện, giao thông, dầu khí, huy động vốn cho đầu tư, phát hành trái phiếu NHTM, trái phiếu kho bạc nhà

nước cho các nhu cầu khác của nền kinh tế.

- Cổ phần hóa DNNN: Rút kinh nghiệm việc cổ phần hóa thời gian qua, để từ đó đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa DNNN. Mạnh dạn cổ phần hóa một bộ phận hóa các DN lớn, làm ăn có hiệu quả, không phải là các ngành kinh tế chiến lược mà nhà nước không cần nắm giữ như: bia, thuốc lá, xi măng, giấy...

- Thành lập các công ty chứng khoán trực thuộc của các NHTM và các TCTD: Theo nghị định của chính phủ ban hành thời gian tới, tốt nhất là thành lập các công ty liên doanh với nước ngoài để tranh thủ vốn, kinh nghiệm và công nghệ kinh doanh chứng khoán của họ, đào tạo cán bộ, làm quen với nghiệp vụ mới này.

- Thanh toán bù trừ chứng khoán: Trên cơ sở Nghị định của Chính phủ và tiến trình thành lập thị trường chứng khoán ở VN.

b. Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng về thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác

- Đối với ngân hàng nhà nước: Triển khai nhanh và có hiệu quả dự án hiện đại hóa công nghệ ngân hàng do WB tài trợ tập trung và hệ thống mã hóa điện tử, thanh toán bù trừ...
- Các NHTM và TCTD: Cũng là triển khai các nội dung của dự án hiện đại hóa do WB tài trợ tập trung là trong quan hệ giao dịch với khách hàng, nghiệp vụ ngân hàng tại nhà (Banking home), tốc độ xử lý chứng từ, giao dịch tại quầy...

c. Mở rộng các quan hệ đối ngoại trong lĩnh vực ngân hàng, về vay vốn, đầu tư, thanh toán, đại lý, đào tạo, chuyển giao công nghệ...

- Đối với NHNN: Nâng cao trình độ xây dựng chính sách, trình độ thanh tra, quản lý... Tốt nhất là tuyển chọn từ cán bộ đã kinh qua thực tiễn của các NHTM. Duy trì và phát triển mối quan hệ với các cơ chức tài chính tiền tệ quốc tế: WB, IMF, ADB... và Ngân hàng Trung ương các nước.

- Đối với NHTM và các TCTD: Duy trì và đảm bảo uy tín đối với các ngân hàng đại lý, hợp tác, liên doanh đồng thời đa dạng hóa các quan hệ hợp tác đào tạo cán bộ có trình độ quốc tế.

7. Công tác thanh tra kiểm soát nội bộ với hoạt động thanh tra nhà nước đảm bảo tính hiệu quả và an toàn trong hoạt động ngân hàng

Cần có sự phối hợp chặt chẽ, những chức năng vi phạm và chức năng rõ ràng, đồng thời nâng cao hiệu quả của các tổ chức:

a. Thanh tra NHNNTW với thanh tra các chi nhánh NHNN các tỉnh, thành phố

b. Kiểm soát nội bộ của các TCTD

c. Thanh tra nhà nước ở các cấp
d. Kiểm toán quốc tế, độc lập, nhà nước

e. Các cơ quan hành pháp khác: tòa án, công an, viện kiểm sát...

Những giải pháp cụ thể là:

- Ban hành hệ thống cơ chế, quy chế mới phù hợp với nội dung quy định của Luật NHNN, Luật các TCTD, tạo hành lang bảo đảm an toàn cho hoạt động của các tổ chức tín dụng.

- Tiến hành phân tích đánh giá chất lượng hoạt động của các NHTMCP, tiến hành củng cố và sắp xếp lại các NHTMCP hoạt động yếu kém, nhất là ở TPHCM.

- Phối hợp với Bộ tài chính sớm ban hành các cơ chế về trích lập quỹ dự phòng rủi ro để xử lý khoản nợ tổn thất của NHTM, tránh tình trạng để nợ khoanh, nợ tổn động lâu ngày, gây nguy cơ mất an toàn của hệ thống ngân hàng.

- Đề nghị chính phủ cấp đủ vốn điều lệ cho các NHTMQD để các ngân hàng này củng cố nâng cao vai trò chủ đạo và chủ lực trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, phục vụ tốt các yêu cầu về dịch vụ ngân hàng của nền kinh tế.

- Có chương trình để củng cố, chấn chỉnh về mặt tổ chức, mạng lưới và rà soát, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, nhân viên đối với các NHTMQD.

- Tạm thời ngừng cấp thêm các giấy phép mở chi nhánh ngân hàng nước ngoài để tập trung củng cố hệ thống ngân hàng hiện có.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm soát của NHNN và kiểm soát nội bộ của bản thân tổ chức tín dụng để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm quy chế chế độ trong hoạt động ngân hàng.

8. Điều kiện để thực thi chính sách tiền tệ có hiệu quả

a. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Luật ngân hàng nhà nước và Luật các TCTD: trình Chính phủ ban hành 42 Nghị định có liên quan, tổ chức thực hiện tốt các nội dung của các Luật và Nghị định có liên quan.

- Các văn bản Luật khác có liên quan trực tiếp: Luật đất đai, Luật dân sự, Luật doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật đầu tư nước ngoài... xem xét chỉnh sửa những bất hợp lý, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và hiệu lực pháp lý của luật.

- Thể lệ, chế độ cụ thể của các TCTD cần được chỉnh sửa cho phù hợp với Luật các TCTD, đảm bảo đồng bộ các luật khác có liên quan: Luật dân sự, Luật thương mại, Luật NSNN, Luật doanh nghiệp...

- Thành lập quỹ bảo toàn tiền gửi và trích lập quỹ rủi ro trước thuế.

- Kiểm soát bắt buộc đối với các

TCTD, các doanh nghiệp, trước mắt là DNNN.

b. Đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ

- Nguyên tắc chung: không chỉ hiểu và có chuyên môn nghiệp vụ về mặt tài chính-ngân hàng mà còn am hiểu về thương mại, kinh doanh, pháp lý, ngoại ngữ, tin học... nói chung. Kết hợp đào tạo trong nước và hợp tác quốc tế, đào tạo và đào tạo lại.

- Có chiến lược đào tạo cán bộ cụ thể của cả hệ thống NHNN, hệ thống các TCTD..

9. Phát triển hệ thống ngân hàng và các TCTD

Cần được quán triệt các quan điểm và nhận thức sau đây:

a. Xác định vị trí đặc thù của ngân hàng và sự cần thiết phải tiếp tục đổi mới các mặt hoạt động ngân hàng, đó là trọng tâm, là mạch máu của nền kinh tế, phản ánh bản chất hoạt động của nền kinh tế.

b. Yêu cầu cấp bách cần tiếp tục đổi mới hoạt động ngân hàng, đó là khâu đột phá của nền kinh tế, thúc đẩy và lôi kéo sự đổi mới của các ngành kinh tế khác.

c. Quan điểm phát triển hệ thống ngân hàng và TCTD, đó là đổi mới toàn diện và mạnh mẽ từ cán bộ, công nghệ, đến cơ chế chính sách và các công cụ điều hành.

d. Định hướng và chủ trương tiếp tục phát triển hệ thống ngân hàng và các TCTD là hiện đại hóa công nghệ, nhanh chóng hòa nhập với khu vực và quốc tế: Cụ thể:

- Các NHTM quốc doanh: cấp đủ vốn điều lệ; phát triển mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, bàn tiết kiệm, mở chi nhánh hay văn phòng ở nước ngoài.

- NHTM cổ phần và công ty tài chính cổ phần: củng cố và sắp xếp lại, yêu cầu gọi đủ vốn điều lệ, khuyến khích phát triển mạng lưới, cho phép một số NHTMCP mở chi nhánh ở nước ngoài.

- NH liên doanh và chi nhánh NH nước ngoài: Hạn chế cho mở chi nhánh mới, khuyến khích liên doanh, chuyển giao công nghệ.

- Quỹ tín dụng nhân dân và HTXDT: Chuyển đổi theo Luật HTX, hạn chế tăng thêm số lượng, nâng cao trình độ quản lý và chuyên môn.

- Ngân hàng phục vụ người nghèo: Cần làm rõ mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động.

- Công ty cho thuê tài chính: Khuyến khích thành lập công ty liên doanh giữa doanh nghiệp trong nước và các tổ chức nước ngoài.

- Các tổ chức tín dụng khác trong xã hội có hoạt động tín dụng: đảm bảo theo đúng Luật NHNN, Luật các TCTD trong hoạt động ■